

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST
Ngày: 24-01-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2021/QĐXX-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1963 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà Lâm Ái H, sinh năm: 1963 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T1, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Vào ngày 03/4/2019, bà có cho bà Lâm Ái H vay 10.000.000đ. Khi vay, bà H có viết và ký tên vào "Giấy mượn tiền". Các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời gian vay trong hợp đồng vay. Thực tế có vài lần bà H trả tiền lãi cho bà nhưng các bên không có chứng cứ gì về việc trả lãi này. Số tiền mà bà cho bà H vay là tài sản riêng của bà và việc bà cho bà H vay chồng bà không biết. Bà

yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền vay 10.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Lâm Ái H trình bày:

Bà và bà Lê Thị M là người ở cùng địa phương nên biết nhau. Vào ngày 03/4/2019, bà có vay bà M số tiền 10.000.000đ. Khi vay bà có viết và ký tên vào “Giấy mượn tiền” đề ngày 03/4/2019 dương lịch. Tại dòng thứ 5 từ dưới lên trang đầu tiên của “Giấy mượn tiền” có ghi dòng chữ “..., kể từ ngày: 29/02/2019” chính là ngày âm lịch của ngày vay tiền (03/4/2019). Các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời gian vay trong hợp đồng. Thực tế sau khi vay bà có vài lần trả lãi cho bà M nhưng không có chứng cứ gì về việc trả lãi này. Từ khi vay tiền đến nay, bà không trả tiền gốc cho bà M. Tại thời điểm vay, chồng bà đã chết.

Bà xác định hiện nay còn nợ bà M 10.000.000đ tiền vay gốc. Vì hoàn cảnh khó khăn, bà yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đ từ tháng 3/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M, buộc bà Lâm Ái H có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay gốc 10.000.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí: Buộc bà Lâm Ái H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Lê Thị M yêu cầu bà Lâm Ái H trả số tiền còn nợ và tiền lãi theo giấy hẹn nợ nên đây là tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là bà Lâm Ái H cư trú tại Số 88 Thanh Niên, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị M và bị đơn bà Lâm Ái H đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy

định. Bà Lê Thị M và bà Lâm Ái H là những chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia vào quan hệ vay tài sản và xác lập hợp đồng vay tài sản theo nội dung “Giấy mượn tiền” ngày 03/4/2019 với số tiền vay 10.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất vay và không xác định thời hạn vay. Do đó hợp đồng vay tài sản giữa bà M và bà H làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa bên cho vay và bên vay.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà M thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay theo quy định tại Điều 465 của Bộ luật dân sự nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình. Bà M yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số tiền vay gốc là 10.000.000đ là phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của bà M là có căn cứ chấp nhận.

[5] Bà H yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đ bắt đầu từ tháng 3/2022 cho đến khi hết nợ, trong khi giữa bà M và bà H không có thỏa thuận nào khác về việc trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H không phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự nên không chấp nhận yêu cầu này.

[6] Theo “Giấy mượn tiền” ngày 03/4/2019, các đương sự đều thừa nhận đây là hợp đồng vay không có lãi. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, bà M có quyền yêu cầu tính lãi nhưng bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu tính lãi.

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do toàn bộ yêu cầu của bà M được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ án phí. Mức án phí theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án là $10.000.000đ \times 5\% = 500.000đ$.

[8] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 465, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M. Buộc bà Lâm Ái H phải trả cho bà M 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền vay gốc. Bác yêu cầu của bà Lâm Ái H về việc yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đ từ tháng 3/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu bà H trả lãi.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, bà H phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc.

3. Về án phí: Buộc bà Lâm Ái H phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị M 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004987 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

4. Quyền kháng cáo: Bà M và bà H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh